SELECT COURSE 【セレクトコース】

498,000 VND

●Free for children under 3 feet ●10% OFF for Seniors (Aged 65 and above) ●All-You-Can-Eat Time Limit
●Miễn Phí Cho Trẻ Cao Dưới 90cm ●Giảm 10% Cho Khách Từ 65 Tuổi Trở Lên
●Giới Hạn Thời Gian Dùng Bữa

Sườn bò
Kalbi／カルビ
- Sườn Bò — Beef Kalbi カルビ
- Sườn Bò Thái Mỏng — Beef Seared Kalbi 炙りバラカルビ
- Sườn Bò Thái Dày — Thick Cut Beef Kalbi 極厚カルビ

Thăn bò
Ro-su／ロース
- Thăn Bò — Beef Ro-su ロース

Diềm thăn
Harami／ハラミ
- Diềm Thăn Heo — Pork Harami 豚ハラミ
- Diềm Thăn Heo Sốt Đặc Biệt — Pork Addicitive Harami やみつき豚ハラミ

Lưỡi
Tongue／タン
- Lưỡi King — King Tongue きんぐタン
- Lưỡi King Sốt Muối Hành — Green Onion & Salted King Tongue ネギ塩きんぐタン

Hải Sản
Seafood／海鮮
- Tôm — Shrimp 海老
- Thanh Cua — Crab Stick カニカマ
- Cá Viên — Fish Ball フィッシュボール

Rau củ nướng
Grillrd Vege／焼野菜
- Set Rau Nướng Tổng Hợp — Vegetable Platter 野菜盛合せ
- Nấm Nướng Bơ Xì Dầu — Grilled Mushrooms with Butter Soy Sauce きのこバター醤油焼
- Tỏi Nướng Giấy Bạc — Grilled Garlic in Foil にんにくホイル焼き
- Bắp Nướng Bơ — Grilled Corn with Butter コーンバター焼き
- Măng Tây — Asparagus アスパラ

Thịt heo/Thịt gà
Pork / Chicken／豚・鶏
- Sườn Heo Nướng Kiểu Sukiyaki — Pork Sukiyaki-Style Kalbi すき焼きカルビ
- Sườn Heo — Pork Kalbi 豚カルビ
- Ba Chỉ Heo Thái Mỏng — Thinly Sliced Pork Belly 薄切り豚バラ
- Ba Chỉ Xông Khói — Bacon ベーコン
- Má Heo — Pork Jowl トンとろ
- Thịt Đùi Gà — Chicken Thigh 鶏カルビ
- Xúc Xích — Sausage ソーセージ
- Cánh Gà — Chicken Wing 手羽先

Đồ chiên/Món lẻ
Alacalt / Fry／揚物・一品
- Khoai Tây Chiên Kèm Sốt Tương Cà — French Fries with Ketchup ポテトフライ
- Gà Chiên Giòn — Japanese Fried Chicken 鶏もも唐揚げ
- Cánh Gà Chiên Giòn — Fried Chicken Wings 手羽先唐揚げ
- Há Cảo Chiên Kèm Sốt Tương Ớt Ngọt — Fried Gyoza with Sweet Chili Sauce 揚げ餃子
- Bánh Takoyaki — Takoyaki タコ焼き
- Tako Wasabi(Bạch Tuộc Ngâm Wasabi) — Wasabi Octopus たこわさ
- Đậu Nhật — Edamame 枝豆
- Trứng Cuộn Nhật Bản — Dashimaki Tamago (Japanese Rolled Omelette) 出汁巻たまご
- Kim Chi — Kimchi キムチ
- Set Rau Trộn Hàn Quốc — Korean Seasoned Vegetables ナムル盛り合わせ

Salad
Salad／サラダ
- Rau Cuốn Sanchu — Korean Lettuce Wrap サンチュ
- Salad Hàn Quốc — Korean Green Salad チョレギサラダ
- Salad Shiza — Caesar Salad シーザーサラダ

Cơm/Súp/Lẩu
Rice / Soup / Hot Pot／食事・スープ・鍋(ラウ)
- Cơm Trắng — Rice ライス
- Cơm Chuyên Dụng Cho Thịt Nướng — Rice Served for BBQ Meat 焼肉専用ライス
- Rong Biển Hàn Quốc — Korean Seaweed 韓国海苔
- Súp Sườn Bò Cay — Kalbi Soup カルビスープ
- Cơm Trộn Hàn Quốc Thố Đá Nóng — Stone-Cooked Bibimbap 石焼ビビンバ
- Súp Trứng & Rong Biển — Seaweed & Egg Soup わかめ玉子スープ
- Lẩu Kim Chi — Khẩu phần 4 người (Chỉ mang tính minh họa) Korean Kimchi Hot Pot 韓国風鍋(ラウ・キムチ)

Đồ tráng miệng
Dessert／デザート
- Kem Vani — Vanilla Soft Serve Ice Cream バニラソフトクリーム
- Kem Tươi Vị Chocolate — Chocolate Soft Serve Ice Cream チョコレートソフトクリーム
- Kem Tươi Vị Dâu Tây — Strawberry Soft Serve Ice Cream ストロベリーソフトクリーム
- Thạch Dâu Tây — Strawberry Jelly ストロベリーゼリー
- Kem Tươi Vị Xoài — Mango Soft Serve Ice Cream マンゴーソフトクリーム
- Thạch Cà Phê — Coffee Jelly コーヒーゼリー

Giá Chưa Bao Gồm Thuế Và Phí Phục Vụ